**BẢNG GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý LẦN 2**

**Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ GTVT quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt**

*(Kèm theo Văn bản số /CĐSVN-QLXD&KCHT ngày 08/4/2022 của Cục ĐSVN)*

Bộ GTVT có văn bản số 2357/BGTVT-KCHT ngày 14/3/2022, số 2419/BGTVT-KCHT ngày 14/3/2022 lấy ý kiến của 45 cơ quan, đơn vị gồm: Tổng Cục đường bộ Việt Nam; Cục Quản lý XD & CL CTGT; các Vụ: Kế hoạch đầu tư, Pháp chế, Vận tải, Khoa học công nghệ, Môi trường; Thanh tra Bộ GTVT; Văn phòng Bộ GTVT; Tổng công ty ĐSVN và 34 tỉnh thành có đường sắt đi qua.

Cục ĐSVN nhận được văn bản số 3245/BGTVT-KCHT ngày 04/4/2022 kèm theo ý kiến góp ý của 33 cơ quan, đơn vị gồm:

(1) Vụ Môi trường: Văn bản số 99/MT ngày 14/3/2022.

(2) Vụ An toàn giao thông: Văn bản số 81/ATGT ngày 15/3/2022.

(3) Thanh tra Bộ: Văn bản số 265/TTr-PCN ngày 18/3/2022.

(4) Vụ Pháp chế: Văn bản số 109/PC ngày 18/3/2022.

(5) Cục Quản lý XD & CL CTGT: Văn bản số 708/CQLXD-QLXD2 ngày 22/3/2022.

(6) Văn phòng Bộ: Văn bản số 109/VP-KSTTHC ngày 22/3/2022.

(7) Vụ Khoa học công nghệ: Văn bản số 99/KHCN ngày 30/3/2022

(8) Kế hoạch đầu tư: Văn bản số 364/KHĐT ngày 04/4/2022.

(9) Tổng cục đường bộ Việt Nam: Văn bản số 1828/TCĐBVN-PCTT ngày 01/4/2022.

(10) Tổng công ty ĐSVN: Văn bản số 680/ĐS-QLHT ngày 24/3/2022.

(11) Sở GTVT Ninh Thuận: Văn bản số 508/SGTVT-QLGT ngày 16/3/2022.

(12) Sở GTVT Quảng Bình: Văn bản số 534/SGTVT-KCHT ngày 17/3/2022.

(13) Sở GTVT Phú Yên: Văn bản số 359/SGTVT-QLHT ngày 21/3/2022.

(14) Sở GTVT Hải Dương: Văn bản số 474/SGTVT-P3 ngày 21/3/2022.

(15) Sở GTVT Bình Dương: Văn bản số 513/SGTVT-QLGT ngày 21/3/2022.

(16) Sở GTVT Bắc Ninh: Văn bản số 362/SGTVT-QLHTGT ngày 21/3/2022.

(17) Sở GTVT Lào Cai: Văn bản số 757/SGTVT-QLGT ngày 22/3/2022.

(18) Sở GTVT Thanh Hóa: Văn bản số 1304/SGTVT-QLGT ngày 22/3/2022.

(19) Sở GTVT Thừa Thiên Huế: Văn bản số 386/SGTVT-AT&QLGT ngày 22/3/2022.

(20) Sở GTVT Nam Định: Văn bản số 493/SGTVT-QLKCHT ngày 23/3/2022.

(21) Sở GTVT Yên Bái: Văn bản số 382/SGTVT-QLKCHTGT ngày 24/3/2022.

(22) Sở GTVT Bình Thuận: Văn bản số 648/SGTVT-HTGT ngày 24/3/2022.

(23) Sở GTVT Quảng Ngãi: Văn bản số 613/SGTVT-QLGT ngày 24/3/2022.

(24) Sở GTVT Lạng Sơn: Văn bản số 776/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 24/3/2022.

(25) Sở GTVT Hà Tĩnh: Văn bản số 819/SGTVT-QLGT ngày 24/3/2022.

(26) Sở GTVT Phú Thọ: Văn bản số 565/SGTVT-QLGT ngày 24/3/2022.

(27) Sở GTVT Hưng Yên: Văn bản số 549/SGTVT-KCHT ngày 25/3/2022.

(28) Sở GTVT Ninh Bình: Văn bản số 508/SGTVT-KCHT ngày 25/3/2022.

(29) Sở GTVT Hải Phòng: Văn bản số 791/SGTVT-HTGT&ATGT ngày 25/3/2022.

(30) Sở GTVT Thái Nguyên: Văn bản số 565/SGTVT-QLKCHTGT ngày 25/3/2022.

(31) Sở GTVT Quảng Trị: Văn bản số 477/SGTVT-KCHT ngày 25/3/2022.

(32) Sở GTVT Hưng Yên: Văn bản số 438/SGTVT-GT ngày 25/3/2022.

(33) Sở GTVT Nghệ An: Văn bản số 908/SGTVT-KH.KCHT ngày 30/3/2022.

**1. Các ý kiến chung:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình của Cục ĐSVN** |
| **Vụ Pháp chế:** |  |
| Đề nghị rà soát các nội dung trong dự thảo Thông tư có quy định dẫn chiếu đến các văn bản QPPL khác hay không. | Ban soạn thảo rà soát nội dung dự thảo sửa đổi các Điều 42, 44, 46, 49, 51 của Thông tư 25, các nội dung này không quy định dẫn chiếu đến các văn bản QPPL khác.  Tiếp thu ý kiến góp ý của Vụ Pháp chế, bỏ khoản 2 Điều 2 và chuyển nội dung khoản 1 Điều 2 vào Điều 3 của dự thảo. |
| Đề nghị rà soát lỗi chính tả, hình thức văn bản tại dự thảo Thông tư, như sử dụng thống nhất cách viết ngày tháng trong văn bản... | Tiếp thu, chỉnh sửa. |
| **Văn phòng Bộ GTVT** |  |
| Thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với các nội dung đề nghị sửa đổi theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính | Tiếp thu và bổ sung báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với các nội dung đề nghị sửa đổi theo quy định |
| **Tổng công ty ĐSVN:** |  |
| Đề nghị xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều 18, Điều 19: Đối với đường ngang trong phạm vi ga, đường ngang đã lắp đặt hệ thống cột tín hiệu ngăn đường trên đường sắt: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét bỏ “Biển ngừng” trên đường sắt (biển đỏ ngăn tàu đi vào đường ngang) | 1. Việc sửa đổi Thông tư 25 lần này được thực hiện theo Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải, theo đó chỉ cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết nhằm tiết kiệm được chi phí, tạo thuận lợi cho tổ chức và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.  2. Trình tự thực hiện xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL[[1]](#footnote-1) *(không thực hiện tổng kết thi hành pháp luật)*, do đó trước mắt tập trung giải quyết các nội dung lên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo tinh thần Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ để kịp tiến độ.  3. Các nội dung đề nghị của Tổng công ty ĐSVN sẽ được Cục ĐSVN tiếp tục cập nhật vào báo cáo tổng kết thi hành pháp luật và để sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25 trong thời gian tới. |
| Đối với các đường ngang có người gác quy định tại Điều 19: Đề nghị xem xét, cho phép sử dụng đèn tín hiệu tự động (tại điểm b khoản 2 Điều 19 Thông tư số 25) và cần chắn tự động đóng kín mặt đường bộ thay thế cho hệ thống giàn chắn, cần chắn thủ công. |
| **Sở GTVT Bình Định:** Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ GTVT chưa quy định cụ thể về khái niệm công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt (bao gồm những công trình nào). | 1. Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt quy định:  *“5. Công trình thiết yếu bao gồm công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng; công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt như: Viễn thông; điện lực; đường ống cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất”.*  2. Điều 39 Thông tư số 25 quy định:  *“Công trình được cấp giấy phép:*  *1. Các công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Luật Đường sắt và Nghị định quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, bao gồm:*  *a) Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh;*  *b) Công trình giao thông: Cầu, cầu vượt, hầm;*  *c) Công trình thủy lợi: Cống thủy lợi; hệ thống dẫn, chuyển nước;*  *d) Công trình năng lượng: Cột điện lực, đường dây tải điện;*  *e) Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đường ống cấp nước, thoát nước, viễn thông.*  *2. Công trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 37 của Thông tư này.*  *3. Các công trình quy định tại khoản 1 Điều này khi cải tạo, nâng cấp có thay đổi hình dạng, kích thước, kết cấu chịu lực hoặc ảnh hưởng đến công trình đường sắt có liên quan.*  *4. Không cấp giấy phép xây dựng mới đường ngang tổ chức phòng vệ bằng biển báo trên đường sắt quốc gia.”* |
| **Sở GTVT Quảng Ngãi:** Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 47 và khoản 6 Điều 52 “Mỗi giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần và thời gian gia hạn không quá 12 tháng đồng thời không vượt quá thời gian thực hiện dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt” thành “Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đồng thời không vượt quá thời gian thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”. | 1. Việc sửa đổi Thông tư 25 lần này được thực hiện theo Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải, theo đó chỉ cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết nhằm tiết kiệm được chi phí, tạo thuận lợi cho tổ chức và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.  2. Trình tự thực hiện xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL[[2]](#footnote-2) *(không thực hiện tổng kết thi hành pháp luật)*, do đó trước mắt tập trung giải quyết các nội dung lên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo tinh thần Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ để kịp tiến độ.  3. Các nội dung đề nghị của Sở GTVT Quảng Ngãi sẽ được Cục ĐSVN tiếp tục cập nhật vào báo cáo tổng kết thi hành pháp luật và để sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25 trong thời gian tới. |

**2. Các ý kiến cụ thể:**

| **Nội dung Thông tư 25/2018/TT-BGTVT** | **Nội dung Dự thảo lấy ý kiến (lần 1)** | **Ý kiến tham gia** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** | **Nội dung Dự thảo sau tiếp thu, giải trình (lần 2)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 42. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang** | **Điều 42. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang** |  |  | **Điều 42. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang** |
| Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang bao gồm: | Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang bao gồm: |  |  | Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang bao gồm: |
| 1. Bản chính Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này. | 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này. |  |  | 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này. |
| 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu sau: | 2. Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị cấp giấy phép các tài liệu sau: | **Vụ Pháp chế:** Về việc thay cụm từ *“bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu”* bằng cụm từ *“bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị cấp phép”*, đề nghị rà soát lại các quy định về thẩm quyền và giá trị pháp lý của bản sao để quy định cho phù hợp với các quy định về bản sao. | Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Nội dung dự thảo sau chỉnh sửa:  *“2. Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản chụp từ bản chính có dấu xác nhận của tổ chức đề nghị cấp giấy phép các tài liệu sau:”* | 2. Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản chụp từ bản chính có dấu xác nhận của tổ chức đề nghị cấp giấy phép các tài liệu sau: |
| **Sở GTVT Lạng Sơn:** Để thống nhất hình thức xác nhận của tổ chức xin cấp phép đối với bản sao một số thành phần hồ sơ kèm theo, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa cụm từ “*Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị*” thành “*Bản chính hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức đề nghị*”. |  |
| **Sở GTVT Hà Tĩnh** đề nghị sửa thành “Bản chính, Bản sao có công chứng hoặc bản sao có xác nhạn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép các tài liệu sau”. |  |
| a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;  b) Quyết định phê duyệt Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang;  c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang đã được phê duyệt. | a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;  b) Quyết định phê duyệt Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang;  c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang đã được phê duyệt; | **Cục QLXD và CLCTGT:** Đề nghị gộp mục b, c thuộc khoản 2, Điều 42, sửa thành: “b) Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang và Hồ sơ thiết kế kèm theo” | Tiếp thu, bỏ cụm từ “hồ sơ” tại điểm b.  Không gộp điểm b và c vì đây là 2 thành phần hồ sơ giải quyết TTHC, việc tách riêng từng thành phần sẽ bảo đảm tính rõ ràng và đã được thực hiện từ trước đến nay. Nội dung dự thảo sau chỉnh sửa:  a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;  b) Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang;  c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang đã được phê duyệt; | a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;  b) Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang;  c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình đường ngang đã được phê duyệt; |
| 3. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu phương án tổ chức thi công công trình đường ngang và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công. | d) Phương án tổ chức thi công công trình đường ngang và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công. | **Sở GTVT Quảng Ngãi:** Sửa đổi, bổ sung cụm từ : “*Phương án tổ chức thi công công trình đường ngang và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công đã được cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc chủ đầu tư chấp thuận*” | Tiếp thu, chỉnh sửa như sau:  d) Phương án tổ chức thi công công trình đường ngang và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công đã được cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc chủ đầu tư chấp thuận. | d) Phương án tổ chức thi công công trình đường ngang và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công đã được cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc chủ đầu tư chấp thuận. |
| **Điều 44. Hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang** | **Điều 44. Hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang** |  |  | **Điều 44. Hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang** |
| Hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang bao gồm: | Hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang bao gồm: |  |  | Hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang bao gồm: |
| 1. Bản chính Đơn đề nghị bãi bỏ đường ngang theo mẫu tại Phụ lục 10 của Thông tư này. | 1. Đơn đề nghị bãi bỏ đường ngang theo mẫu tại Phụ lục 10 của Thông tư này. |  |  | 1. Đơn đề nghị bãi bỏ đường ngang theo mẫu tại Phụ lục 10 của Thông tư này. |
| 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu phương án tổ chức giao thông và phương án tổ chức thi công khi bãi bỏ đường ngang. | Đề nghị bỏ |  |  |  |
| 3. Tài liệu chứng minh lý do bãi bỏ đường ngang. | 2. Tài liệu chứng minh lý do bãi bỏ đường ngang. | **Văn Phòng bộ:** Việc thay thế hoàn toàn khoản 2 bằng khoản 3 – “Tài liệu chứng minh lý do bãi bỏ đường ngang” là chưa đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng về thành phần hồ sơ TTHC. Do vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo quy định chi tiết thành phần hồ sơ của tài liệu chứng minh lý do bãi bỏ đường ngang.  **Cục QLXD và CLCTGT:** Đề nghị quy định rõ hơn về các tài liệu chứng minh (gồm tài liệu gì, cấp nào ban hành…) để thuận tiện cho các đơn vị thực hiện | Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo cho phù hợp | 2. Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản chụp từ bản chính có dấu xác nhận của tổ chức đề nghị bãi bỏ đường đường ngang: Phương án tổ chức giao thông thay thế hoặc tài liệu xác định đường ngang không còn nhu cầu sử dụng. |
| **Sở GTVT Lạng Sơn:** Bổ sung cụm từ “*Tài liệu chứng minh lý do bãi bỏ đường ngang, trong đó có phương án tổ chức giao thông thay thế trong trường hợp cần thiết khi có yêu cầu*” |  |
| **Điều 46. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang** | **Điều 46. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang** |  |  | **Điều 46. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang** |
| Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang bao gồm: | Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang bao gồm: |  |  | Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang bao gồm: |
| 1. Bản chính Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục 12 của Thông tư này. | 1. Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục 12 của Thông tư này. |  |  | 1. Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục 12 của Thông tư này. |
| 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn; tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | 2. Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng các tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn; tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | **Vụ Pháp chế:** Việc thay cụm từ *“bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu”* bằng cụm từ *“bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị cấp phép”*, đề nghị rà soát lại các quy định về thẩm quyền và giá trị pháp lý của bản sao để quy định cho phù hợp với các quy định về bản sao. | Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo | 2. Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản chụp từ bản chính có dấu xác nhận của tổ chức đề nghị gia hạn: Tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn và tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |
| **Cục QLXD và CLCTGT:** Đề nghị quy định rõ hơn về các tài liệu chứng minh (gồm tài liệu gì, cấp nào ban hành…) để thuận tiện cho các đơn vị thực hiện. | Đề nghị giữ nguyên dự thảo và chỉ chỉnh sửa về thể thức hồ sơ với lý do:  1. Từ thời điểm Thông tư 25 có hiệu lực tháng 7/2018 đến nay Cục ĐSVN đã thực hiện 14 thủ tục TTHC gia hạn GPXD đường ngang[[3]](#footnote-3) với nhiều lý do khác nhau như vướng mặt bằng thi công, tiến độ cấp phát vốn, điều chỉnh thiết kế, điều chỉnh phương án tổ chức thi công…  2. Việc quy định cứng lý do là không cần thiết và có thể dẫn đến áp dụng cứng nhắc trong quá trình thực hiện, gây khó khăn cho tổ chức khi thực hiện TTHC. |
| **Điều 49. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt** | **Điều 49. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt** |  |  | **Điều 49. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt** |
| Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt bao gồm: | Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt bao gồm: |  |  | Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt bao gồm: |
| 1. Bản chính Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư này. | 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư này. |  |  | 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư này. |
| 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Quyết định phê duyệt dự án hoặc văn bản giao nhiệm vụ Chủ đầu tư công trình.  3. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công; ảnh chụp hiện trạng (đối với công trình cải tạo, nâng cấp).  4. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt.  5. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các văn bản pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định công trình không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường sắt: Tài liệu về quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thỏa thuận của ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên có liên quan đến việc xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt.  6. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  7. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Phương án tổ chức thi công công trình và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình trong quá trình thi công. | 2. Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị cấp giấy phép các tài liệu sau:  a) Quyết định phê duyệt dự án hoặc văn bản giao nhiệm vụ Chủ đầu tư công trình;  b) Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công; ảnh chụp hiện trạng (đối với công trình cải tạo, nâng cấp);  c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt;  d) Văn bản pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định công trình không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường sắt: Tài liệu về quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thỏa thuận của ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên có liên quan đến việc xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt;  đ) Tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;  e) Phương án tổ chức thi công công trình và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình trong quá trình thi công. | **Vụ Pháp chế:** Việc thay cụm từ *“bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu”* bằng cụm từ *“bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị cấp phép”*, đề nghị rà soát lại các quy định về thẩm quyền và giá trị pháp lý của bản sao để quy định cho phù hợp với các quy định về bản sao. | Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo cho phù hợp | 2. Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản chụp từ bản chính có dấu xác nhận của tổ chức đề nghị cấp giấy phép các tài liệu sau:  a) Quyết định phê duyệt dự án hoặc văn bản giao nhiệm vụ chủ đầu tư công trình;  b) Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công; ảnh chụp hiện trạng (đối với công trình cải tạo, nâng cấp);  d) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt;  e) Văn bản pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định công trình không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường sắt: Tài liệu về quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thỏa thuận của ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên có liên quan đến việc xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt;  g) Tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;  h) Phương án tổ chức thi công công trình và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình trong quá trình thi công. |
| **Sở GTVT Hà Tĩnh:** Đề nghị sửa thành “*Bản chính, Bản sao có công chứng hoặc bản sao có xác nhạn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép các tài liệu sau*”; Đề nghị sửa khoản 2 Điều 46 thành “*Bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị gia hạn cấp giấy phép...”* |
| **Cục QLXD và CLCTGT:**  1. Mục a, đề nghị sửa thành: “a) Quyết định phê duyệt dự án”  2. Đề nghị gộp mục b, c thuộc khoản 2, Điều 49, sửa thành: “b) Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và Hồ sơ thiết kế kèm theo; ảnh chụp hiện trạng (đối với công trình cải tạo, nâng cấp)” | Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo và chỉ chỉnh sửa về thể thức hồ sơ với lý do:  1. Một số công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt không có quyết định phê duyệt dự án mà chỉ có văn bản giao nhiệm vụ để xác định chủ đầu tư, cụ thể như một số đường cáp quang phục vụ quốc phòng, an ninh chỉ có kế hoạch tổ chức thực hiện.  2. Việc gộp điểm b và c là không cần thiết vì đây là 2 thành phần hồ sơ giải quyết TTHC, việc tách riêng từng thành phần sẽ bảo đảm tính rõ ràng và đã được thực hiện từ trước đến nay không gặp vướng mắc. |
| **Điều 51. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt** | **Điều 51. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt** |  |  | **Điều 51. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt** |
| Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt bao gồm: | Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt bao gồm: |  |  | Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt bao gồm: |
| 1. Bản chính Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục 16 của Thông tư này. | 1. Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục 16 của Thông tư này. |  |  | 1. Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục 16 của Thông tư này. |
| 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn; tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | 2. Bản chính hoặc Bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng các tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn; tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | **Vụ Pháp chế:** Việc thay cụm từ *“bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu”* bằng cụm từ *“bản sao có xác nhận của tổ chức đề nghị cấp phép”*, đề nghị rà soát lại các quy định về thẩm quyền và giá trị pháp lý của bản sao để quy định cho phù hợp với các quy định về bản sao. | Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo | 2. Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản chụp từ bản chính có dấu xác nhận của tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng: Tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn; tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |
| **Cục QLXD và CLCTGT:** Đề nghị quy định rõ hơn về các tài liệu chứng minh (gồm tài liệu gì, cấp nào ban hành…) để thuận tiện cho các đơn vị thực hiện | Đề nghị giữ nguyên dự thảo và chỉ chỉnh sửa về thể thức hồ sơ với lý do:  1. Từ thời điểm Thông tư 25 có hiệu lực tháng 7/2018 đến nay Cục ĐSVN đã thực hiện 16 thủ tục TTHC gia hạn GPXD công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt[[4]](#footnote-4) với nhiều lý do khác nhau như vướng mặt bằng thi công, tiến độ cấp phát vốn, điều chỉnh thiết kế, điều chỉnh phương án tổ chức thi công…  2. Việc quy định cứng lý do là không cần thiết và có thể dẫn đến áp dụng cứng nhắc trong quá trình thực hiện, gây khó khăn cho tổ chức khi thực hiện TTHC. |

1. Quyết định số 386/QĐ-BGTVT ngày 28/3/2022 của Bộ GTVT [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định số 386/QĐ-BGTVT ngày 28/3/2022 của Bộ GTVT [↑](#footnote-ref-2)
3. Nguồn số liệu báo cáo phục vụ Thanh tra Bộ GTVT tháng 3/2022 [↑](#footnote-ref-3)
4. Nguồn số liệu báo cáo phục vụ Thanh tra Bộ GTVT tháng 3/2022 [↑](#footnote-ref-4)